

3. Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của bà L, bà T, bà H: Bà Lê Thị P; Địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

5. Ông Nguyễn M; Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

6. Bà Lê Thị S; Địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

7. Bà Lê Thị Đ; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

8. Bà Lê Thị H1; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

9. Bà Lê Thị P; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

10. Ông Lê Văn M; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

11. Ông Lê S; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị S, Lê Thị Đ, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị P, ông Lê Văn M, ông Lê S là ông Lê Văn K; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

12. Ông Lê T1; Địa chỉ: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

13. Bà Lê Thị T; Địa chỉ: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

14. Ủy ban nhân dân thị xã N; Địa chỉ: thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hồng H, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn trình bày:

Ông bà nội của ông là cụ Lê C1 (chết không rõ thời gian) và cụ Bùi Thị T2 (chết năm 1998). Cụ C1 và cụ T2 có 04 người con chung gồm: Lê Thị H3, Lê H4 (cha của ông Lê K), Lê C, Lê Thị L. Ngoài ra, cụ C1, cụ T2 không còn người con chung, con riêng nào khác.

Bà Lê Thị H3 chết năm 2015, có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn M, ông Lê T1, bà Lê Thị T. Ông Lê H4 chết năm 2010, có 07 người con gồm: bà Lê Thị S, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị P, ông Lê Văn M, ông Lê S, ông Lê Văn K.

Cụ C1 chết không để lại di chúc. Cụ T2 chết năm 1998 để lại 02 di chúc: Di chúc ngày 22/7/1994 được Phòng Công chứng nhà nước số 01 Khánh Hòa chứng thực ngày 01/12/1994 và Di chúc ngày 18/8/1998 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 04/9/1998.

Tài sản của cụ C1 và cụ T2 là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09 tại Tổ dân phố Ngân H3, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, ông Lê C đã tiến hành kê khai và được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV669593, số vào sổ: CH01737 ngày 01/4/2015, diện tích 304m². Ngày 12/9/2016, ông Lê C đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị P, được Văn phòng công chứng Đ công chứng theo Hợp đồng số 22911 quyền số 46/TP/CC-SCC/HĐGD. Trên cơ sở đó, bà Lê Thị P được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016, diện tích 138m².

Căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 541, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P là do ông Lê H4 xây dựng. Căn nhà xây dựng trên thửa 540 là do cụ C1, cụ T2 xây dựng, sau đó ông C sửa chữa lại như hiện trạng.

Tại Đơn khởi kiện và các Bản tự khai, ông Lê Văn K yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09 tại Tổ dân phố Ngân H3, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo Di chúc của cụ Bùi Thị T2 lập ngày 22/7/1994 và Di chúc lập ngày 18/8/1998 và theo pháp luật; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV669593, số vào sổ: CH01737 ngày 01/4/2015 của UBND thị xã N cấp cho ông Lê C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 được UBND thị xã N cấp cho bà Lê Thị P.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/6/2019, nguyên đơn yêu cầu công nhận Di chúc năm 1994 của cụ Bùi Thị T2, phân chia di sản của cụ T2 theo Di chúc và theo pháp luật; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV669593, số vào sổ: CH01737 ngày 01/4/2015 của UBND thị xã N cấp cho ông Lê C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 được UBND thị xã N cấp cho bà Lê Thị P.

Bị đơn ông Lê C trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Lê C1 (Chết không rõ thời gian) và cụ Bùi Thị T2 (chết năm 1998). Cụ C1 và cụ T2 có 06 người con chung gồm: Lê Thị T4, Lê U,

Lê Thị H3, Lê H4 (cha của ông K), Lê C, Lê Thị L. Ngoài ra, cụ C1, cụ T2 không còn người con chung con riêng nào khác.

Bà Lê Thị T4 chết năm 1992, có 8 người con gồm: Dương Công X, Dương H, Dương K, Dương Thị T, Dương Công S, Dương Thị T, Dương Thị C, Dương Thị D.

Ông Lê U chết không có vợ con.

Bà Lê Thị H3 chết năm 2015, có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn M, ông Lê T1, bà Lê Thị T. Ông Lê H4 chết năm 2010, có 07 người con gồm: bà Lê Thị S, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị P, ông Lê Văn M, ông Lê S, ông Lê Văn K.

Cụ C1 chết không để lại di chúc. Cụ T2 chết năm 1998 để lại 02 di chúc: Di chúc ngày 22/7/1994 được Phòng Công chứng nhà nước số 01 Khánh Hòa chứng thực ngày 01/12/1994 và Di chúc ngày 18/8/1998 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 04/9/1998.

Tài sản của cụ C1 và cụ T2 là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09 tại Tổ dân phố Ngân H3, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Hiện thửa đất này đã được tách làm 02 thửa: thửa đất số 541, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 được UBND thị xã N cấp cho bà Lê Thị P; thửa đất số 540, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA711825, số vào sổ: CH01837 ngày 30/6/2015 được UBND thị xã N cấp cho ông Lê C.

Căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 541 là do ông bỏ tiền xây dựng.

Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia tài sản thừa kế của cụ Bùi Thị T2 theo Di chúc năm 1998 đối với thửa đất số 541 và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Ông đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền. Đối với thửa đất số 540 thì ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông đã ở xây nhà từ năm 1970 tới nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày:

Thửa đất số 541, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P được cụ T2 để lại cho 04 người con là Lê H4, Lê Thị H3, Lê C, Lê Thị L theo Di chúc năm 1998. Căn nhà trên thửa đất này là do ông Lê C, bà Lê Thị H3 bỏ tiền xây dựng, hiện do ông Lê Văn K ở.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: một phần thửa đất số 91 tờ bản đồ số 09 hiện đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Lê C là căn cứ theo Di chúc

năm 1998 của cụ Ty và ông C đã xây dựng nhà, sinh sống ổn định nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất này. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo Di chúc năm 1998 của cụ Bùi Thị T2. Đối với phần đất hiện đang đứng tên bà trên GCNQSDĐ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Cha mẹ bà L là cụ Lê C1 và cụ Bùi Thị T2 (chết năm 1999) có 04 người con như nguyên đơn trình bày. Cụ T2 có tạo dựng thừa đất tại thôn Ngân H3, xã T, huyện N (nay là thị xã N) với diện tích 621m². Thừa đất này có phải của cụ C1 hay không thì bà không biết vì cụ C1 chết đã lâu. Năm 1998, ông Lê C nói với bà đất của cụ T2 chưa có sổ đỏ nên bảo bà ký vào giấy tờ để làm sổ, khi có sổ sẽ chia cho bà một phần nhưng tới nay vẫn chưa thấy. Bà đề nghị Tòa án phân chia tài sản của cụ T2 để cho bà được hưởng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là cháu ngoại của cụ Bùi Thị T2. Bà ngoại của bà có 04 người con gồm: Lê Thị H3, Lê H4 (cha của ông K), Lê C, Lê Thị L.

Bà là con của bà Lê Thị H3 (chết năm 2015) và ông Nguyễn Trực (chết năm 1968). Cha mẹ bà có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn M, ông Lê T1, bà Lê Thị T.

Cụ T2 có để lại khoảnh đất có diện tích 621m². Ngôi nhà trên đất có diện tích khoảng 83,2m² là do mẹ bà (bà Lê Thị H3) bỏ tiền xây dựng để cho bà ngoại (cụ T2) ở cho tới khi qua đời.

Theo bà năm 1998 cụ T2 đã già yếu, không còn sáng suốt nữa nên Di chúc 1998 không đúng. Bà đề nghị Tòa án phân chia di sản của cụ Ty theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà là cháu ngoại của cụ Bùi Thị T2, bà không nhớ tên của ông ngoại, ông bà ngoại của bà có 04 người con gồm: Lê Thị H3, Lê H4 (cha của ông K), Lê C, Lê Thị L.

Bà là con của bà Lê Thị H3 (chết năm 2015) và ông Nguyễn Trực (chết năm 1968). Cha mẹ bà có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn M, ông Lê T1, bà Lê Thị T.

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Bùi Thị T2 theo pháp luật; hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Lê C. Bà đề nghị được nhận kỷ phân thừa kế bằng tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị T, ông Lê T1 trình bày:

Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp đối với bà Lê Thị T, ông Lê T1 nhưng không có kết quả nên không ghi nhận được trình bày của bà Lê Thị T, ông Lê T1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị S trình bày:

Bà là con của ông Lê H4 - người được thừa kế tài sản của cụ Bùi Thị T2 theo Di chúc năm 1994, năm 1998. Hiện ông Lê C đã được UBND thị xã N cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09 có là di sản chưa phân chia của cụ Bùi Thị T2.

Do đó, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn M trình bày:

Cha mẹ ông là ông Nguyễn Trục (chết năm 1968) và bà Lê Thị H3 (chết năm 2015). Cha mẹ ông có 05 người con gồm bà Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Văn T1, Lê Thị T, Nguyễn M. Ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn K và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu Tòa án chia tài sản thừa kế liên quan đến phần của bà Lê Thị H3 thì ông xin được nhận giá trị quy đổi ra tiền. Vì lý do ở xa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thị xã N trình bày:

Ngày 18/12/2014 ông Lê C có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 91 tờ bản đồ số 09 phường T, diện tích 310m². Nguồn gốc ông C khai là nhận thừa kế nhà và đất.

Hồ sơ sau khi được Ủy ban nhân dân phường xác nhận về hiện trạng, thời điểm, nguồn gốc sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt được chuyển tới bộ phận một cửa thị xã và chuyển đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã. Ngày 05/02/2015, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã đã xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận. Ngày 01/4/2015, ông Lê C được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH01737 tại thửa đất nêu trên. Như vậy, về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Lê C được lập từ cấp xã đến khi ký giấy chứng nhận là phù hợp theo quy định của pháp luật. Tại văn bản số

2669/GUQ-UBND ngày 21/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N ủy quyền cho ông Mai Hồng Hải thay mặt tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản của cụ Lê C1 trong khối di sản tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09 tại Tổ dân phố Ngân H3, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt xác định các lời khai của họ yêu cầu chia di sản của cụ Bùi Thị T2 là ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứ không phải là yêu cầu của họ.

Tại bản án dân sự thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26 và khoản 1 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 143 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 670 Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Lê Văn K đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Bùi Thị T2 theo Di chúc ngày 22/7/1994 được Phòng Công chứng nhà nước số 1 công chứng ngày 01/12/1994 và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 9, diện tích 304m² được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho ông Lê C ngày 01/4/2015, số BV669593, số vào sổ: CH01737; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 được UBND thị xã N cấp cho bà Lê Thị P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA711825, số vào sổ: CH01837 ngày 30/6/2015 được UBND thị xã N cấp cho ông Lê C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần lệ phí uỷ thác tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 10/10/2019, ông Lê Văn K (nguyên đơn) kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm. Ngày 05/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định số 43/2019/KN-DS-VC2 kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của

Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, sửa một phần Bản án sơ thẩm, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09, diện tích 304m² cấp cho ông Lê C ngày 01/4/2015, số BV669593, số vào sổ: CH01737; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 đứng tên bà Lê Thị P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA711825, số vào sổ: CH01837 ngày 30/6/2015 đứng tên ông Lê C.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo và xác định cụ thể nội dung kháng cáo như sau: Bản án nhận định sai về phạm vi khởi kiện và nhận định sai về nội dung vì cả hai bản Di chúc do cụ Bùi Thị T2 lập đều không hợp pháp vì: Cụ T2 lập Di chúc cả phần di sản của cụ Lê C1, di sản định đoạt trong 2 bản Di chúc đều khác nhau, việc cấp các GCNQSD đất, sở hữu tài sản cho ông Lê C và bà Lê Thị P là không đúng vi phạm nghiêm trọng Luật đất đai và Luật dân sự. Đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét các nội dung kháng cáo của Nguyên đơn - ông Lê Văn K cho rằng: Bản án nhận định sai về phạm vi khởi kiện và nhận định sai về nội dung vì cả hai bản Di chúc do cụ Bùi Thị T2 lập đều không hợp pháp vì: Cụ T2 lập Di chúc cả phần di sản của cụ Lê C1, di sản định đoạt trong 2 bản Di chúc đều khác nhau thì thấy:

[1.1]. Về nội dung khởi kiện: Ông Lê Văn K khởi kiện yêu cầu chia di sản theo các Di chúc của cụ Bùi Thị T2 lập ngày 22/7/1994 và ngày 18/8/1998 và theo pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn K bổ sung yêu cầu chia di sản của cụ Lê C1 theo pháp luật nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận là có

căn cứ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo của ông Lê Văn K về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[1.2]. Ông Lê Văn K cho rằng cả 02 bản di chúc của cụ T2 lập đều không hợp pháp vì: Cụ T2 lập Di chúc cả phần di sản của cụ Lê C1, di sản định đoạt trong 2 bản Di chúc đều khác nhau thì thấy:

+ Cụ Lê C1 chết năm 1940, cụ T2 lập Di chúc vào các năm 1994 và 1998, tại bản Di chúc năm 1994 cụ T2 đã xác định: “có chồng tên Lê C1 (chết)”. Tuy cụ T2 lập các bản Di chúc nói trên không xác định tài sản riêng của cụ T2 nhưng nguyện vọng của cụ T2 là để lại tài sản để thờ cúng ông bà, cha mẹ không được cầm thế hoặc bán căn nhà và đất, để làm từ đường thờ cúng. Ý chí của cụ T2 phù hợp với quy định tại Điều 626 Bộ luật dân sự.

+ Tài sản cụ T2 ghi nhận trong các bản Di chúc có khác nhau nhưng nguyên đơn - ông Lê Văn K và những người thừa kế của cụ T2 đều thừa nhận: Tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09, diện tích: 304m² tại Tổ dân phố Ngân H3, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, hiện đã được tách làm 02 thửa: thửa đất số 541, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 được UBND thị xã N cấp cho bà Lê Thị P; thửa đất số 540, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA711825, số vào sổ: CH01837 ngày 30/6/2015 được UBND thị xã N cấp cho ông Lê C có nguồn gốc của cụ Bùi Thị T2 và cụ Lê C1 mà cụ T2 để lại theo di chúc năm 1994.

Từ các căn cứ nêu trên, Bản án sơ thẩm xác định: “Di chúc ngày 22/7/1994 đứng tên Bùi Thị T2 có dấu lấn tay, xác nhận của Ban nhân dân thôn Ngân H3, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, có công chứng của Phòng công chứng nhà nước số 1 ngày 01/12/1994.

Xét nội dung Di chúc ngày 22/7/1994: cụ T2 xác định “để lại cho con trai tên Lê H4 sinh năm 1933 và con gái tên Lê Thị L sinh năm 1937 được toàn quyền sở hữu sử dụng căn nhà và đất này. Vì 2 đứa con này có trách nhiệm nuôi dưỡng thuốc men cho tôi đến khi tôi qua đời, thì phải có trách nhiệm thờ cúng ông bà cha mẹ nhưng **không được đưa nào cầm thế hoặc bán căn nhà và đất, để làm nhà từ đường thờ cúng**”. Như vậy, ý chí của cụ T2 theo Di chúc ngày 22/7/1994 là để lại di sản cho ông H4 và bà L để làm từ đường thờ cúng”. Là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 626, 627, 628 và 630 Bộ luật dân sự năm 2015. Di chúc năm 1998 có thay đổi về nội dung đối với ông Lê H4 nhưng ý chí

về sử dụng di sản để lại của cụ T2 không có thay đổi so với Di chúc năm 1994 nên kháng cáo của ông Lê Văn K về các nội dung này cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn K và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09, diện tích 304m² cấp cho ông Lê C ngày 01/4/2015, số BV669593, số vào sổ: CH01737; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 đứng tên bà Lê Thị P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA711825, số vào sổ: CH01837 ngày 30/6/2015 đứng tên ông Lê C thì thấy: Bản án sơ thẩm xác định: “*ý chỉ của cụ T2 theo Di chúc ngày 22/7/1994 là để lại di sản cho ông H4 và bà L để làm từ đường thờ cúng*” nhưng lại không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09, diện tích 304m² cấp cho ông Lê C ngày 01/4/2015 là không đúng vì: Quyền sử dụng đất theo Di chúc của cụ T2 là để làm “từ đường thờ cúng” nên khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê C phải có ý kiến của các đồng thừa kế của cụ T2. Mặt khác sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình, ông Lê C lại tự quyết định tách thửa đất thành 2 thửa trong đó có 01 thửa đứng tên bà Lê Thị P là con gái của ông C cũng không đúng. Vì vậy, chấp nhận nội dung kháng cáo của ông C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa một phần Bản án sơ thẩm, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09, diện tích 304m² được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho ông Lê C ngày 01/4/2015, số BV669593, số vào sổ: CH01737; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho bà Lê Thị P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA711825, số vào sổ: CH01837 ngày 30/6/2015 được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho ông Lê C.

[3]. Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn - ông Lê Văn K; chấp nhận Quyết định kháng nghị số 43/2019/KN-DS-VC2 ngày 5/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1. Áp dụng các Điều 626, 628, 630 và Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015:

Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Lê Văn K đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Bùi Thị T2 theo Di chúc ngày 22/7/1994 được Phòng công chứng nhà nước số 1 công chứng ngày 01/12/1994.

2. Áp dụng Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ông Lê Văn K. Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09, diện tích 304m² được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho ông Lê C ngày 01/4/2015, số BV669593, số vào sổ: CH01737; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ647155, số vào sổ: CH02540 ngày 21/9/2016 được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho bà Lê Thị P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA711825, số vào sổ: CH01837 ngày 30/6/2015 được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho ông Lê C.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0001015 ngày 17/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp, án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến

